



xiǎo xià

小夏

noun (name) · Xiao Xia (name)

Example Sentences

Xiǎo xià shì wǒ de hǎo péng yǒu

小夏是我的好朋友。

Xiao Xia is my good friend.

Xiǎo xià xǐ huān zài zhōu mò qù pá shān

小夏喜欢在周末去爬山。

Xiao Xia likes to go hiking on weekends.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏
夏	夏										